

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0947.....

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1993 (vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VX, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2017 và ngày 25/6/2018, biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thành N chung sống với nhau năm 2012 và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐHB cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống thật sự hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh N thường xuyên đi chơi, không chăm lo làm ăn để nuôi vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau thì anh N có đánh chị bằng tay, vì thương con chị cố nhẫn nhịn nhưng anh N vẫn không thay đổi tính tình. Khi chị sinh đứa con thứ hai ở nhà cha mẹ ruột ở ấp TB, xã TL, huyện Châu Thành được 06 ngày thì anh N dẫn con tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 bỏ đi đến nay không còn quan tâm gì đến vợ con, do đó vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ ngày 26/6/2015 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 (hiện anh N đang nuôi dưỡng) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 (hiện chị đang nuôi dưỡng).

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Thành N;
2. Về nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015, giao anh N tiếp tục nuôi Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;
3. Về tài sản chung và về nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2018 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày.*

Anh và chị Q cưới nhau năm 2012, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐHB cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng chỉ khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn anh có đánh chị Q vài lần bằng tay, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên đã ly thân nhau từ ngày 26/6/2015 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 (hiện anh N đang nuôi dưỡng) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 (hiện chị Q đang nuôi dưỡng).

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của chị Q, anh có ý kiến như sau:

1. Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Q;
2. Về nuôi con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013, giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về tài sản chung và về nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị Lê Thị Q vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Q trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thành N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Lê Thị Q ly hôn anh Nguyễn Thành N; về nuôi con chung, giao con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh N và chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đề nghị không xét; về tài sản chung và về nợ chung, không có không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Thành N biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn chị Lê Thị Q. Nhưng bị đơn anh N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh N, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh N vẫn có tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Thành N, nhưng anh N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Q không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Thành N khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐHB, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 24-3-2015. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi mâu thuẫn anh N có vài lần đánh chị Q bằng tay và thực tế đã ly thân nhau một thời gian dài. Tại phiên tòa hôm nay, chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N và bản thân anh N cũng đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với chị Q. Tuy chị Q và ý chí của anh N đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX không thể ghi nhận sự thỏa thuận này của hai người, bởi từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay anh N không một lần đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa ngày hôm nay. Từ đó cho thấy anh N đã vi phạm nghiêm trọng Q, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo chị Q và ý kiến bằng văn bản của anh N thể hiện, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015. Sau khi vợ chồng ly hôn, giao Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giao Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Đến tại phiên tòa hôm nay, chị Q vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, còn anh N tuy vắng mặt nhưng cũng không thể hiện ý kiến gì thay đổi lời trình bày của anh. Vì vậy, xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Q và ý kiến trình bày của anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Q và anh N ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Giữa nguyên đơn chị Q và bị đơn anh N cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Q có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Q ly hôn anh Nguyễn Thành N.

2 - Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Thành K, sinh ngày 28/3/2013 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện Nguyễn Thành K đang sống với anh N), giao Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng (hiện Nguyễn Thị Ngọc H đang sống với chị Q), không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Q yêu cầu Tòa án hạn chế Q thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008833 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/10/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã ĐHB;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Linh